

Số: 167/BC-QLĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát đánh giá cuối khóa học sinh viên tốt nghiệp năm 2019 (sinh viên khóa 2015 trở về trước)

Kính gửi:

- Ban Giám Hiệu;
- Lãnh đạo các Khoa.

Theo chỉ đạo của Ban Giám Hiệu về việc triển khai công tác khảo sát đánh giá cuối khóa học sinh viên tốt nghiệp trong năm 2019.

Phòng Quản lý Đào tạo báo cáo kết quả khảo sát như sau:

1. MỤC TIÊU

- Thu thập ý kiến đóng góp của sinh viên về hiệu quả đào tạo của chương trình đào tạo đại học chính quy.
- Nhà trường có cơ sở cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho các chương trình đại học tiếp theo.

2. ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT:

- Sinh viên tốt nghiệp Đại học Chính quy năm 2019, khóa 2015 trở về trước.

3. QUY TRÌNH KHẢO SÁT:

- Phòng Quản lý Đào tạo soạn thảo bảng khảo sát gồm 37 câu hỏi.
- Phương thức thực hiện: Từ danh sách sinh viên nhận được từ bộ phận xét tốt nghiệp năm 2019, bộ phận khảo sát gửi email để thực hiện khảo sát đánh giá cuối khóa học sinh viên tốt nghiệp năm 2019 thông qua Google Form.

- Phòng Quản lý Đào tạo lọc, xử lý, phân tích dữ liệu và viết báo cáo. Số lượng cụ thể như sau:

- + Số lượng sinh viên tốt nghiệp trong năm 2019: 1.768,
- + Số lượng sinh viên phản hồi qua Google Form: 515,
- + Số lượng sinh viên phản hồi không hợp lệ: 15,
- + Số lượng sinh viên phản hồi hợp lệ: 500.

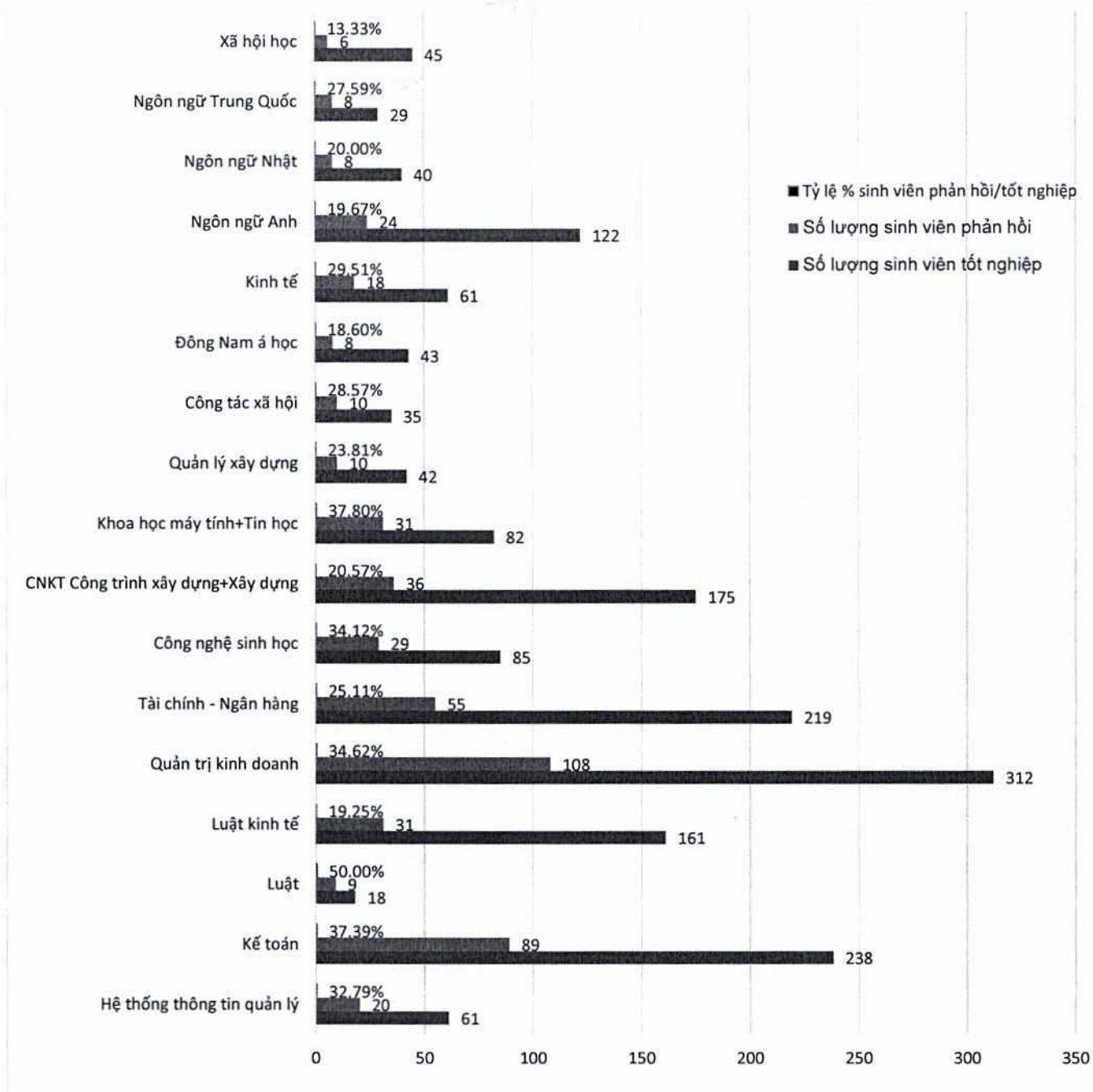
4. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

4.1. THỐNG KÊ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP, CÓ PHẢN HỒI VÀ CÓ VIỆC LÀM

4.1.1. TỶ LỆ SINH VIÊN PHẢN HỒI THEO NGÀNH ĐÀO TẠO

- Ghi chú chữ viết tắt:**
- + LT: Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy
 - + ĐH: Đại học chính quy
 - + B2: Văn bằng thứ 2 đại học chính quy
 - + Σ : tổng theo từng ngành

Stt	Tên ngành	Khoa	Số lượng sinh viên tốt nghiệp				Số lượng sinh viên phản hồi				Tỷ lệ phản hồi/tốt nghiệp
			LT	ĐH	B2	Σ	LT	ĐH	B2	Σ	
1	Hệ thống thông tin quản lý	TH	0	61	0	61	0	20	0	20	32.79%
2	Kế toán	KK	63	163	12	238	22	64	3	89	37.39%
3	Luật	LA	0	18	0	18	0	9	0	9	50.00%
4	Luật kinh tế	LA	0	136	25	161	0	29	2	31	19.25%
5	Quản trị kinh doanh	QT	64	240	8	312	25	83	0	108	34.62%
6	Tài chính - Ngân hàng	TC	69	147	3	219	12	42	1	55	25.11%
7	Công nghệ sinh học	SH	0	85	0	85	0	29	0	29	34.12%
8	CNKT Công trình xây dựng+Xây dựng	KT	21	154	0	175	5	31	0	36	20.57%
9	Khoa học máy tính+Tin học	TH	26	56	0	82	7	24	0	31	37.80%
10	Quản lý xây dựng	KT	0	42	0	42	0	10	0	10	23.81%
11	Công tác xã hội	XH	0	35	0	35	0	10	0	10	28.57%
12	Đông Nam á học	XH	0	43	0	43	0	8	0	8	18.60%
13	Kinh tế	KI	0	61	0	61	0	18	0	18	29.51%
14	Ngôn ngữ Anh	NN	25	89	8	122	2	19	3	24	19.67%
15	Ngôn ngữ Nhật	NN	0	40	0	40	0	8	0	8	20.00%
16	Ngôn ngữ Trung Quốc	NN	0	29	0	29	0	8	0	8	27.59%
17	Xã hội học	XH	0	45	0	45	0	6	0	6	13.33%
Tổng cộng:			268	1444	56	1768	73	418	9	500	28.28%



Biểu đồ 4.1.1: Tỷ lệ sinh viên phản hồi/sinh viên tốt nghiệp

- Đối với những ngành có số lượng sinh viên tốt nghiệp trên 200 sinh viên
- + Ngành Kế toán có tỷ lệ sinh viên phản hồi cao nhất: 37.39% (89/238).
- + Ngành Tài chính – Ngân hàng có tỷ lệ sinh viên phản hồi thấp nhất 25.11% (55/219)
- Đối với những ngành có số lượng sinh viên tốt nghiệp từ 50 đến 200 sinh viên
- + Ngành Khoa học máy tính+Tin học có tỷ lệ sinh viên phản hồi cao nhất: 37.80% (31/82).
- + Ngành Luật kinh tế 19.25% (31/161) và Ngôn ngữ Anh 19.67% (24/122) có tỷ lệ sinh viên phản hồi thấp nhất.
- Đối với những ngành có số lượng sinh viên tốt nghiệp dưới 50 sinh viên
- + Ngành Luật 50% (9/18) có tỷ lệ sinh viên phản hồi cao nhất.
- + Ngành Xã hội học 13.33% (6/45) có tỷ lệ sinh viên phản hồi thấp nhất.

4.1.2. TỶ LỆ SINH VIÊN CÓ VIỆC LÀM THEO NGÀNH ĐÀO TẠO

Stt	Tên ngành	Khoa	Đã có việc làm					Chưa có việc làm				
			LT	ĐH	B2	Σ	Tỷ lệ %	LT	ĐH	B2	Σ	Tỷ lệ %
1	Hệ thống thông tin quản lý	TH	0	14	0	14	70.00%	0	6	0	6	30.00%
2	Kế toán	KK	21	54	3	78	87.64%	1	10	0	11	12.36%
3	Luật	LA	0	7	0	7	77.78%	0	2	0	2	22.22%
4	Luật kinh tế	LA	0	21	2	23	74.19%	0	8	0	8	25.81%
5	Quản trị kinh doanh	QT	24	65	0	89	82.41%	1	18	0	19	17.59%
6	Tài chính - Ngân hàng	TC	11	27	1	39	70.91%	1	15	0	16	29.09%
7	Công nghệ sinh học	SH	0	15	0	15	51.72%	0	14	0	14	48.28%
8	CNKT Công trình xây dựng+Xây dựng	KT	4	25	0	29	80.56%	1	6	0	7	19.44%
9	Khoa học máy tính+Tin học	TH	7	24	0	31	100.00%	0	0	0	0	0.00%
10	Quản lý xây dựng	KT	0	3	0	3	30.00%	0	7	0	7	70.00%
11	Công tác xã hội	XH	0	6	0	6	60.00%	0	4	0	4	40.00%
12	Đông Nam á học	XH	0	6	0	6	75.00%	0	2	0	2	25.00%
13	Kinh tế	KI	0	13	0	13	72.22%	0	5	0	5	27.78%
14	Ngôn ngữ Anh	NN	2	17	2	21	87.50%	0	2	1	3	12.50%
15	Ngôn ngữ Nhật	NN	0	6	0	6	75.00%	0	2	0	2	25.00%
16	Ngôn ngữ Trung Quốc	NN	0	6	0	6	75.00%	0	2	0	2	25.00%
17	Xã hội học	XH	0	3	0	3	50.00%	0	3	0	3	50.00%
Tổng cộng:			69	312	8	389	77.80%	4	106	1	111	22.20%

- Những ngành mà tỷ lệ sinh viên có việc làm chiếm tỷ lệ cao:
- + Khoa học máy tính+Tin học: 100% (31/31)
- + CNKT công trình Xây dựng+Xây dựng: 80.56% (29/36)
- Những ngành mà tỷ lệ sinh viên có việc làm chiếm tỷ lệ thấp:
- + Quản lý xây dựng 30% (3/10)
- Những ngành mà tỷ lệ sinh viên chưa có việc làm chiếm tỷ lệ cao:
- + Quản lý xây dựng: 70% (7/10)
- + Xã hội học 50% (3/6)

4.1.3. TỶ LỆ SINH VIÊN PHẢN HỒI VÀ CÓ VIỆC LÀM THEO KHOA

Khoa đào tạo đặc biệt có 219 sinh viên tốt nghiệp, thuộc 6 ngành như sau:

- Kế toán: 36 (13 phản hồi)
- Luật kinh tế: 37 (8 phản hồi)
- Quản trị kinh doanh: 74 (22 phản hồi)
- Tài chính – Ngân hàng: 37 (6 phản hồi)
- CNKT công trình xây dựng: 7 (5 phản hồi)
- Ngôn ngữ Anh: 28 (7 phản hồi)

Stt	Mã khoa	Tên khoa	Số lượng sinh viên tốt nghiệp	Số lượng sinh viên phản hồi	Tỷ lệ phản hồi/tốt nghiệp	Có việc làm		Chưa có việc làm	
						Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	KI	Kinh tế và quản lý công	61	18	29.51%	13	72.22%	5	27.78%
2	KK	Kế toán - Kiểm toán	202	76	37.62%	68	89.47%	8	10.53%
3	KT	Xây dựng	210	41	19.52%	29	70.73%	12	29.27%
4	LA	Luật	142	32	22.54%	24	75.00%	8	25.00%
5	NN	Ngoại ngữ	163	33	20.25%	28	84.85%	5	15.15%
6	QT	Quản trị kinh doanh	238	86	36.13%	74	86.05%	12	13.95%
7	SH	Công nghệ sinh học	85	29	34.12%	15	51.72%	14	48.28%
8	TC	Tài chính - Ngân hàng	182	49	26.92%	36	73.47%	13	26.53%
9	TH	Công nghệ thông tin	143	51	35.66%	45	88.24%	6	11.76%
10	XH	XHH-CTXH-ĐNA	123	24	19.51%	15	62.50%	9	37.50%
11	DB	Đào tạo đặc biệt	219	61	27.85%	42	68.85%	19	31.15%
Tổng cộng:			1,768	500	28.28%	389	77.80%	111	22.20%

- Khoa có tỷ lệ sinh viên phản hồi cao:
 - + Khoa Kế toán kiểm toán: 37.62% (76/202)
 - + Khoa Quản trị kinh doanh: 36.13% (86/238)
- Khoa có tỷ lệ sinh viên phản hồi thấp:
 - + Khoa Xây dựng: 19.52% (41/210)
 - + Khoa XHH-CTXH-ĐNA: 19.51% (24/123)
- Khoa có tỷ lệ sinh viên có việc làm chiếm tỷ lệ cao:
 - + Khoa Kế toán – Kiểm toán: 89.47% (68/76)
 - + Khoa Công nghệ thông tin 88.24% (45/51)
 - + Quản trị kinh doanh: 86.05% (74/86)
 - + Khoa Ngoại ngữ: 84.85% (28/33)
- Khoa Công nghệ sinh học có tỷ lệ sinh viên chưa có việc làm chiếm tỷ lệ cao: 48.28%

(14/29)

4.2. PHẦN 1: ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Từ 1.0 đến dưới 1.8 : Kết luận nội dung phản hồi là “Kém”.
Từ 1.8 đến dưới 2.6 : Kết luận nội dung phản hồi là “Yếu”.
Từ 2.6 đến dưới 3.4 : Kết luận nội dung phản hồi là “Trung bình”.
Từ 3.4 đến dưới 4.2 : Kết luận nội dung phản hồi là “Tốt”.
Từ 4.2 đến dưới 5.0 : Kết luận nội dung phản hồi là “Rất Tốt”.

Stt	Nội dung	TBình	Kết luận
1	Khóa học có thực hiện đúng mục đích đào tạo nhà trường đã đề ra đầu khóa học	3.93	Tốt
2	Tính phù hợp và cập nhật của chương trình đào tạo	3.80	Tốt
3	Khả năng áp dụng thực tế những kiến thức sinh viên đã học	3.57	Tốt
4	Khóa học giúp nâng cao kỹ năng làm việc	3.59	Tốt
5	Khóa học giúp nâng cao chuyên môn nghiệp vụ	3.58	Tốt
6	Khóa học cung cấp thông tin mới, giúp mở mang kiến thức	3.88	Tốt
7	Khóa học tạo điều kiện mở rộng cơ hội nghề nghiệp	3.74	Tốt
8	Thời lượng của khóa học hợp lý	3.81	Tốt
9	Việc sắp xếp các môn học theo trình tự hợp lý	3.74	Tốt
10	Tính phù hợp của học phí toàn khóa	3.58	Tốt
11	Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập	4.00	Tốt

- Mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo chiếm tỷ lệ: 63.80%
- Tất cả các nội dung về chương trình đào tạo được sinh viên đánh giá Tốt có 2 nội dung được sinh viên đánh giá cao:

- + Khóa học có thực hiện đúng mục đích đào tạo nhà trường đã đề ra đầu khóa học
- + Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

4.3. PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN

Stt	Nội dung	TBình	Kết luận
12	Sự nhiệt tình trong giảng dạy	4.12	Tốt
13	Khả năng khuyến khích sự say mê các chủ đề trong môn học	3.74	Tốt
14	Khả năng khuyến khích học nhóm, tự nghiên cứu trong khi học	3.86	Tốt
15	Phương pháp giảng dạy tạo điều kiện cho sinh viên tiếp tục tự học suốt đời	3.65	Tốt
16	Mức độ quan tâm đến việc tiếp thu bài giảng của sinh viên	3.74	Tốt
17	Mức độ sẵn lòng hỗ trợ sinh viên ngoài giờ giảng trên lớp	3.90	Tốt
18	Giao tiếp giữa Giảng viên và sinh viên	3.97	Tốt
19	Giáo trình và tài liệu tham khảo	3.81	Tốt
20	Ứng dụng Công nghệ thông tin vào trong giảng dạy	3.88	Tốt

- Mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên: 68.73%

- Tất cả các nội dung về phương pháp giảng dạy đều được sinh viên đánh giá tốt, tuy nhiên sinh viên đánh giá cao sự nhiệt tình trong giảng dạy cả giảng viên.

4.4. PHẦN 3: HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA VÀ KỸ NĂNG

Stt	Nội dung	Tbình	Kết luận
21	Nhiều hoạt động ngoại khóa	3.68	Tốt
22	Các Câu lạc bộ	3.59	Tốt
23	Các lớp kỹ năng	3.42	Tốt
24	Báo cáo chuyên đề	3.73	Tốt
25	Kiến tập	3.49	Tốt
26	Thực tập	3.89	Tốt

- Mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động ngoại khóa và kỹ năng: 58.40%
- Sinh viên đánh giá tốt về hoạt động ngoại khóa và kỹ năng.

4.5. PHẦN 4: BỘ PHẬN QUẢN LÝ

Stt	Nội dung	Tbình	Kết luận
27	Tôn trọng sinh viên	4.05	Tốt
28	Tạo mọi cơ hội để sinh viên học tập	4.02	Tốt
29	Thông tin kịp thời đến sinh viên	3.66	Tốt
30	Quan hệ giữa văn phòng Khoa và sinh viên	3.70	Tốt
31	Quan hệ giữa giáo viên chủ nhiệm và sinh viên	3.68	Tốt
32	Quan hệ giữa Cố vấn học tập và sinh viên	3.68	Tốt
33	Hiệu quả quản lý đào tạo của nhà Trường nói chung đối với sinh viên	3.76	Tốt
34	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý sinh viên	3.85	Tốt

- Mức độ hài lòng của sinh viên về bộ phận quản lý: 65.45%
- Tất cả các nội dung về bộ phận quản lý đều được sinh viên đánh giá tốt, riêng 2 nội dung được sinh viên đánh giá cao:
 - + Tôn trọng sinh viên
 - + Tạo mọi cơ hội để sinh viên học tập

4.6. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ KHÓA HỌC

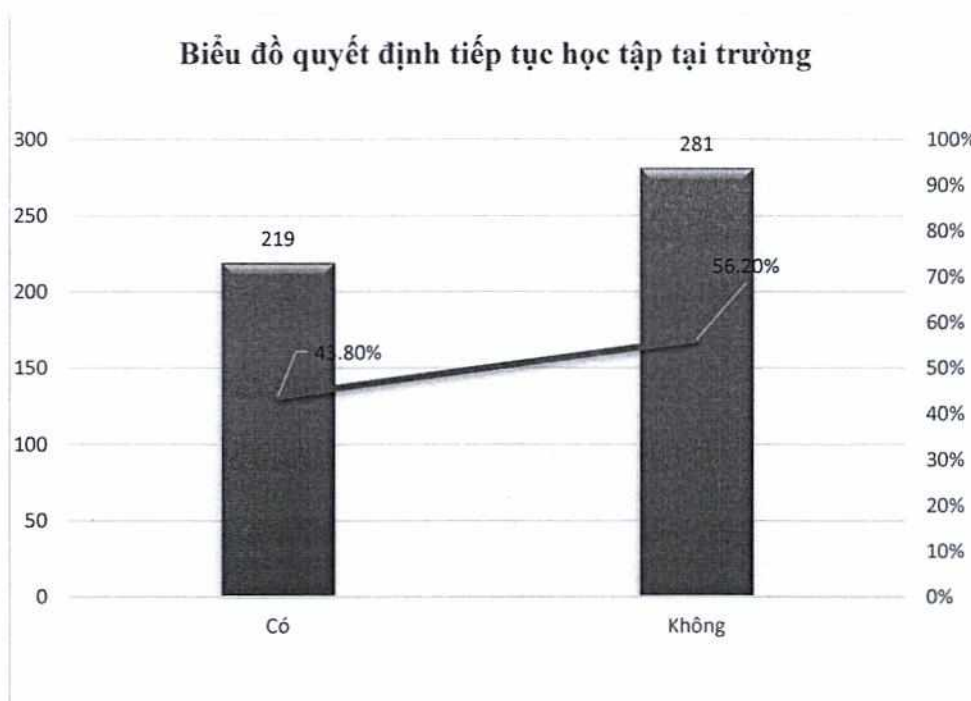
Stt	Nội dung	Tbình	Kết luận
35	Mức độ hài lòng tổng quát của sinh viên đối với khóa học này	3.89	Tốt

- Mức độ hài lòng của sinh viên về khóa học này: 73.40%

4.7. QUYẾT ĐỊNH TIẾP TỤC HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Có dự định học tiếp không?	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ sinh viên (%)
Có	219	43.80%
Không	281	56.20%
Tổng cộng:	500	100%

Kết quả phân hồi của sinh viên tốt nghiệp trong năm 2019 cho thấy 43.80% sinh viên muốn tiếp tục theo học các chương trình khác tại trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.



4.8. Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA SINH VIÊN

Đính kèm Phụ lục 1

5. KẾT LUẬN

- Khảo sát đánh giá cuối khóa học được thực hiện bằng phương thức phân hồi trên Google Form do nhiều yếu tố khác nhau nên tỷ lệ sinh viên phân hồi khá thấp 28.28% (500/1768).
- Trong 500 sinh viên vừa mới tốt nghiệp có phân hồi thì tỷ lệ sinh viên có việc làm chiếm tỷ lệ cao 77.80% (389/500).
- Tỷ lệ sinh viên chưa có việc làm và còn đang tìm việc 22.20% (111/500).
- Mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo chiếm tỷ lệ: 63.80%.
- Mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp giảng dạy của sinh viên: 68.73%.
- Mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động ngoại khóa và kỹ năng: 58.40%
- Mức độ hài lòng của sinh viên về bộ phận quản lý: 65.45%
- Mức độ hài lòng của sinh viên về khóa học này: 73.40%

6. KIẾN NGHỊ

- Có một số kiến nghị nhà trường cần cải thiện để nâng cao chất lượng dịch vụ và đào tạo trong thời gian tới. Cụ thể như sau:

+ Tổ chức các khóa học giúp nâng cao, phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Tăng cường kết nối nhà trường, sinh viên với doanh nghiệp, cựu sinh viên.

+ Điều chỉnh Chương trình đào tạo tăng cường phần thực hành, các môn học ứng dụng và cập nhật các kiến thức phù hợp với thực tiễn.

+ Thay đổi chương trình, phương pháp giảng dạy môn ngoại ngữ (tiếng Anh) phù hợp với yêu cầu thực tế.

+ Cải thiện các kênh thông tin, thông báo đến sinh viên; quan hệ giữa các phòng ban, khoa với sinh viên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLĐT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Lê Trọng Phúc